

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**



---

**HÀ NỘI, THÁNG 02 NĂM 2017**

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2 - 3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

4 - 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

6 - 7

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

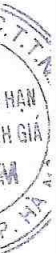
8

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

9

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

10 - 34



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Armephaco (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đỗ Thành	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Chi	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Bé	Ủy viên
Ông Bùi Viết Tuấn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/11/2016)
Ông Nguyễn Đỗ Hùng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/11/2016)
Ông Nguyễn Đình Cường	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28/07/2016)
Ông Nguyễn Hải Thịnh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28/07/2016)
Ông Lê Tuấn	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 28/07/2016)
Bà Nguyễn Minh Phương	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 28/07/2016)

#### **Ban Tổng giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Chi	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Văn Bé	Phó Tổng giám đốc
Ông Dương Đình Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Đức Thịnh	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Viết Tuấn	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/11/2016)

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

*Thay mặt Ban Tổng giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**



**Nguyễn Văn Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017*

Số: *HT* -17/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Armephaco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Armephaco (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16/02/2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại thuyết minh số VI.5 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đang thực hiện ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty khoản cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Vinahankook dựa trên kết quả kinh doanh năm 2016 và tỷ lệ vốn góp của Công ty vào đơn vị nhận vốn góp. Khi có thông báo chia cổ tức chính thức, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phần chênh lệch vào Báo cáo kết quả kinh doanh của năm nhận được thông báo. Việc ghi nhận như trên là chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



**Phạm Hùng Sơn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

**Lê Thị Hương Lan**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2506-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>692.208.993.600</b>	<b>614.324.395.770</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>57.347.236.578</b>	<b>101.243.203.778</b>
1 Tiền	111		57.347.236.578	101.243.203.778
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>539.070.587.091</b>	<b>444.785.086.890</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	451.197.403.220	396.083.416.146
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	66.236.933.309	24.824.241.730
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	22.010.076.748	24.301.112.888
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(373.826.186)	(423.683.874)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>91.080.391.177</b>	<b>66.736.789.978</b>
1 Hàng tồn kho	141		91.080.391.177	66.736.789.978
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.710.778.754</b>	<b>1.559.315.124</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	49.622.572	512.279.167
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.627.394.882	944.276.978
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.14	33.761.300	102.758.979
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>124.535.767.184</b>	<b>127.803.711.588</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.824.397.040</b>	<b>1.833.897.040</b>
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.04	1.824.397.040	1.833.897.040
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.612.233.013</b>	<b>43.667.329.469</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	39.155.370.477	43.096.251.317
- Nguyên giá	222		84.504.646.147	83.231.065.384
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.349.275.670)	(40.134.814.067)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.10	456.862.536	571.078.152
- Nguyên giá	228		913.725.000	913.725.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(456.862.464)	(342.646.848)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.08</b>	<b>81.287.940.000</b>	<b>81.287.940.000</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		63.500.000.000	63.500.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.765.940.000	17.765.940.000
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		22.000.000	22.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.811.197.131</b>	<b>1.014.545.079</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.811.197.131	1.014.545.079
4 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>816.744.760.784</b>	<b>742.128.107.358</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>652.813.069.630</b>	<b>583.197.486.284</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>650.878.617.630</b>	<b>581.263.034.284</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	166.605.270.793	165.369.138.493
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	62.277.272.905	75.035.173.260
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.999.472.739	6.176.905.558
4 Phải trả người lao động	314		2.414.753.585	2.579.861.029
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	26.047.563.655	50.609.908.818
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	389.412.314.967	281.492.047.126
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.934.452.000</b>	<b>1.934.452.000</b>
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.15	1.934.452.000	1.934.452.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>163.931.691.154</b>	<b>158.930.621.074</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>163.864.554.762</b>	<b>158.859.250.986</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.000.000.000	130.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		14.845.328.577	12.831.406.167
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.719.226.185	15.727.844.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		18.719.226.185	15.727.844.819
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		300.000.000	300.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>67.136.392</b>	<b>71.370.088</b>
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		67.136.392	71.370.088
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>816.744.760.784</b>	<b>742.128.107.358</b>

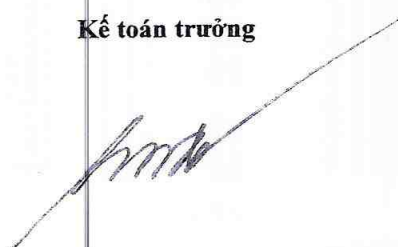
Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Ngọc Thạch

Đỗ Đình Ngọc

Nguyễn Văn Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)



Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	990.733.002.957	892.343.671.684
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	31.009.070	75.851.013
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	990.701.993.887	892.267.820.671
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	903.677.452.139	810.831.559.599
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		87.024.541.748	81.436.261.072
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	9.663.103.740	11.976.486.340
7 Chi phí tài chính	22	VI.6	18.098.455.927	13.119.806.199
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.613.962.358	7.958.732.258
8 Chi phí bán hàng	24	VI.9	34.738.266.778	37.368.465.121
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9	22.571.272.389	24.564.368.870
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		21.279.650.394	18.360.107.222
11 Thu nhập khác	31	VI.7	225.513.387	427.110.750
12 Chi phí khác	32	VI.8	166.175.471	244.832.242
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		59.337.916	182.278.508
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		21.338.988.310	18.542.385.730
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	2.619.762.125	2.814.540.911
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		18.719.226.185	15.727.844.819

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Người lập

Đào Ngọc Thạch

Kế toán trưởng

Đỗ Đình Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.338.988.310	18.542.385.730
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.328.677.219	5.793.006.451
- Các khoản dự phòng	03		(49.857.688)	158.006.229
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		64.737.344	16.273.125
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.683.917.231)	(9.988.864.128)
- Chi phí lãi vay	06		14.613.962.358	7.958.732.258
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.612.590.312	22.479.539.665
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(95.148.361.184)	71.707.781.595
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.343.601.199)	19.940.443.646
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(42.899.331.844)	(77.286.505.577)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(333.995.457)	(189.460.010)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.613.962.358)	(7.474.053.349)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.618.098.277)	(1.483.073.148)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.768.635.755)	(1.200.377.728)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(149.113.395.762)</b>	<b>26.494.295.094</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.400.938.839)	(10.093.484.545)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(510.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.927.278.333	4.617.056.596
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>4.526.339.494</b>	<b>(5.986.427.949)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		927.432.011.489	670.314.370.803
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(819.511.936.936)	(619.745.386.187)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.228.985.485)	(10.386.427.820)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>100.691.089.068</b>	<b>40.182.556.796</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		<b>(43.895.967.200)</b>	<b>60.690.423.941</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>101.243.203.778</b>	<b>40.552.779.837</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	70	V.01	<b>57.347.236.578</b>	<b>101.243.203.778</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Ngọc Thạch

Đỗ Đình Ngọc

Nguyễn Văn Dũng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ARMEPHACO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dược và Thiết bị y tế Quân đội được thành lập theo quyết định số 1436/QĐ-QP ngày 12/08/1996 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110974 ngày 21/08/1996 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 1183/QĐ-BQP ngày 15/04/2010 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0100109191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/06/2010. Công ty có 15 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 0100109191 ngày 11/06/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là **130.000.000.000 đồng** (Một trăm ba mươi tỷ đồng).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc, thiết bị y tế và dịch vụ thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium); Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại Nhà nước cấm); Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Xây dựng nhà các loại; Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kiến trúc công trình;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Doanh nghiệp bán buôn thuốc;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ các loại Nhà nước cấm);

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Thu nhập sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác; Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Sửa chữa thiết bị khác; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất khác (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm khác (trừ các loại Nhà nước cấm); Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh./.

**Tru sở chính:**

Địa chỉ: Số 18 Vũ Xuân Thiều, Long Biên, Hà Nội

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Công văn số 6456 ngày 23/09/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty theo quy định của Luật chứng khoán.

Theo quyết định số 1477 ngày 15/04/2016 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt phương án thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Armephaco thì vốn Nhà nước tại Công ty đã giảm từ 51% xuống còn 29%.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

***Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty***

- |   |   |   |
|---|---|---|
| a) Chi nhánh Công ty CP Armephaco - Xí nghiệp Dược phẩm 150 | - | Địa chỉ: Số 112 Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Q1, TP HCM     |
| b) Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh                             | - | Địa chỉ: Số 112 Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Q1, TP HCM     |
| c) Chi nhánh Hà Nội   | - | Địa chỉ: Số 8 Tăng Bạt Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội             |
| d) Chi nhánh tại TP Cần Thơ                                 | - | Địa chỉ: Khu đô thị mới Hưng Phú, Q. Cái Răng, Cần Thơ      |
| e) Chi nhánh 2 tại TP Hồ Chí Minh                           | - | Địa chỉ: số 134/1 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP Hồ Chí Minh |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**Danh sách các Công ty con của Công ty**

- |   |   |
|---|---|
| a) Công ty TNHH MTV 120 Armephaco               | - Địa chỉ: Long Biên, Hà Nội              |
|   | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%      |
|   | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%   |
| b) Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco | - Địa chỉ: Xã Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội |
|   | - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%      |
|   | - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%   |

**Danh sách Công ty liên kết của Công ty**

- |                                      |   |
|--------------------------------------|---|
| Công ty CP Thiết bị y tế Vinahankook | - Địa chỉ: Xã Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội   |
|                                      | - Tỷ lệ phần sở hữu: 32,3%                  |
|                                      | - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 32,3% |

**7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Công ty chưa thực hiện việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh***

***Đầu tư vào Công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

#### 7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 25
- Máy móc thiết bị	5 - 10
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 9
- Tài sản cố định khác	5 - 8

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền thuê gian hàng Chợ thuốc tại Quận 10, TP Hồ Chí Minh và phần mềm máy tính.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình, thời gian khấu hao từ 5 đến 20 năm.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao chi phí sửa chữa, cải tạo nhà cửa, vật kiến trúc, chi phí đánh giá tương đương sinh học in vivo ... và giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ trong thời gian 1 năm đối với chi phí được phân loại là ngắn hạn và từ 2 đến 3 năm tài chính đối với chi phí được phân loại là dài hạn vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

**9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa thực hiện đánh giá lại số dư các khoản công nợ phải trả người bán có gốc ngoại tệ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trong năm Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28/07/2016.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán trang thiết bị y tế ngành y, thuốc chữa bệnh, vật tư, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành bảo trì thiết bị y tế, ủy thác nhập khẩu... và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận căn cứ vào kết quả kinh doanh của bên nhận đầu tư theo tỷ lệ vốn góp. Khi có thông báo chia cổ tức chính thức, Công ty thực hiện điều chỉnh vào kết quả kinh doanh của năm nhận được thông báo chia cổ tức.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là thu tiền điện nước của cán bộ công nhân viên, phí chuyển nhượng cổ phần, thu tiền quản lý kho thế chấp và thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh, căn cứ vào phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm, hàng hoá xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh.

**15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**15.1 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành, với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với mặt hàng là thiết bị y tế và thuốc chữa bệnh, thuế suất 10% đối với các loại vật tư, hàng hóa khác và không chịu thuế cho vật tư y tế cho thương binh.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế của sản phẩm, hàng hóa kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	4.719.173.625	5.970.347.139
Tiền gửi ngân hàng	52.628.062.953	95.272.856.639
<b>Cộng</b>	<b>57.347.236.578</b>	<b>101.243.203.778</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	56.242.169.205	-	-	-
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ngãi	41.018.670.000	-	-	-
Công ty CP Công nghệ TFA	33.923.506.089	-	34.346.082.321	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật năng lượng sạch	28.475.367.252	-	27.426.830.640	-
Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật Xuân Hiếu	27.598.306.171	-	27.179.274.013	-
Công ty CP Y tế Thành Giang	26.365.475.154	-	24.865.475.154	-
Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng trực thuộc Sở y tế Kiên Giang	15.790.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Dũng	15.295.582.806	-	14.359.663.932	-
Công ty CP Hoá ứng dụng & Công nghệ mới	14.770.061.676	-	13.732.139.978	-
Công ty TNHH Xuân Vy	13.844.087.553	-	13.011.580.462	-
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	13.786.483.737	-	13.056.483.737	-
Công ty CP Hancorp	13.561.597.513	-	-	-
Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	12.302.678.820	-	-	-
Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Thành Long	11.766.362.786	-	9.060.195.234	-
Bệnh viện Quân y 105	5.904.169.000	-	-	-
Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị Y tế LIFE	5.820.287.157	-	13.745.159.630	-
Công ty CP Hóa chất vật tư y tế Hoàng Hà	5.635.640.370	-	2.789.113.039	-
Các đối tượng khác	109.096.957.931	373.826.186	202.511.418.006	422.245.186
<b>Cộng</b>	<b>451.197.403.220</b>	<b>373.826.186</b>	<b>396.083.416.146</b>	<b>422.245.186</b>

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thiết Bị Y Tế Hà Cao	-	861.026.800
Công ty CP Nhà Việt	-	965.013.520
Công ty TNHH Hà Hùng	1.310.079.000	-
Smart Solutions Trading Corp	14.661.100.948	-
Công ty CP Đầu tư y tế Việt Mỹ	24.983.000.000	-
Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt	-	3.176.783.700
Eurostock Eood	678.162.316	675.309.096
Lbame Inc	6.499.942.464	3.629.648.527
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Phú Sỹ	3.329.491.215	-
Công ty TNHH Phát triển thương mại, dịch vụ và Trang thiết bị y tế Đại Hữu	-	1.000.000.000
Perfint Healthcare Corporation	-	2.652.000.000
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn thương mại Việt Nam	825.424.900	825.424.900
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Bắc Hà	9.494.710.112	-
Herbacoy USA	-	651.810.031
Công ty CP Đầu tư xây dựng Đất Việt	652.000.000	652.000.000
Harbin Pharmaceutical group Co., Ltd General Pharm Factory	146.124.000	729.162.000
Công ty CP Công nghệ TFA	-	3.252.157.872
Các đối tượng khác	3.656.898.354	5.753.905.284
<b>Cộng</b>	<b>66.236.933.309</b>	<b>24.824.241.730</b>

**4. Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>22.010.076.748</b>	-	<b>24.301.112.888</b>	<b>1.438.688</b>
<b>Phải thu khác</b>	<b>12.910.710.723</b>	-	<b>13.673.883.559</b>	<b>1.438.688</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.433.586.668	-	10.059.219.620	-
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	278.971.439	-	634.541.492	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco	2.568.221.346	-	-	-
Thuế VAT nhập khẩu trực tiếp	1.129.574.888	-	2.088.046.351	-
Thuế VAT nhập khẩu ủy thác	42.459.778	-	231.431.743	-
Các đối tượng khác	457.896.604	-	660.644.353	1.438.688
<b>Tạm ứng</b>	<b>7.163.228.122</b>	-	<b>7.807.972.056</b>	-
Phạm Thanh Lâm	671.500.000	-	107.650.000	-
Nguyễn Thị Huyền	415.600.000	-	407.500.000	-
Nguyễn Anh Tuấn	1.258.849.940	-	1.297.441.290	-
Đặng Quốc Vinh	111.460.635	-	295.352.500	-
Đỗ Chi	500.000.000	-	500.000.000	-

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Đoàn Thị Lê Phương	721.000.000	-	871.000.000	-
Phạm Thị Thùy Linh	122.420.295	-	220.855.000	-
Phạm Xuân Anh	192.735.396	-	205.440.688	-
Dương Đình Sơn	100.000.000	-	100.000.000	-
Các đối tượng khác	3.069.661.856	-	3.802.732.578	-
<b>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</b>	<b>1.936.137.903</b>	-	<b>2.543.231.400</b>	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	1.266.280.715	-	1.406.032.775	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	-	-	206.091.100	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Kinh Đô	-	-	102.139.125	-
Các khoản ký quỹ khác	669.857.188	-	828.968.400	-
<i>Dư nợ TK 3388</i>	-	-	<i>52.331.037</i>	-
<i>Dư nợ TK 353</i>	-	-	<i>223.694.836</i>	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.824.397.040</b>	-	<b>1.833.897.040</b>	-
<b>Ký quỹ, ký cược dài hạn</b>	<b>1.824.397.040</b>	-	<b>1.833.897.040</b>	-
Bệnh viện 105	-	-	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh	821.947.040	-	821.947.040	-
Các đối tượng khác	2.450.000	-	1.950.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.834.473.788</b>	-	<b>26.135.009.928</b>	<b>1.438.688</b>

c) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

## 5. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng</b>				
Công ty CP Thiết bị y tế Việt Thắng	-	-	69.170.000	20.751.000
Công ty TNHH Dược phẩm Mai Thanh	117.007.180	-	117.007.180	-
Bệnh viện Đa khoa AAA	35.901.777	-	35.901.777	-
Công ty TNHH Dược Gia Phúc	19.186.400	-	19.186.400	-
Anh Tú - Đăklăk	8.246.064	-	8.246.064	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hồng Gia Phát	60.286.000	-	60.286.000	-
Công ty CP Liên doanh LiLy Pháp	133.198.765	-	133.198.765	-
Các đối tượng khác	-	-	1.438.688	-
<b>Cộng</b>	<b>373.826.186</b>	-	<b>444.434.874</b>	<b>20.751.000</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***6. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.447.032.205	-	11.172.174.182	-
Công cụ, dụng cụ	76.163.313	-	66.477.200	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.616.031.933	-	2.865.262.466	-
Thành phẩm	5.537.338.185	-	11.827.647.201	-
Hàng hóa	59.403.825.541	-	40.805.228.929	-
<b>Cộng</b>	<b>91.080.391.177</b>	<b>-</b>	<b>66.736.789.978</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>49.622.572</b>	<b>512.279.167</b>
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	34.872.572	87.093.365
Phí thanh toán Quốc tế	-	30.817.357
Lỗi chênh lệch tỷ giá thanh toán hợp đồng ủy thác	-	366.568.445
Chi phí quảng cáo	14.750.000	14.750.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	13.050.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.811.197.131</b>	<b>1.014.545.079</b>
Giá trị công cụ, dụng cụ chờ xuất dùng phân bổ	592.638.496	619.789.104
Chi phí đánh giá tương đương sinh học invivo	554.360.000	252.800.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà cửa, vật kiến trúc	528.633.158	106.942.643
Chi phí trả trước khác	135.565.477	35.013.332
<b>Cộng</b>	<b>1.860.819.703</b>	<b>1.526.824.246</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**8. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	81.287.940.000	-		81.287.940.000	-	81.287.940.000	81.287.940.000
Đầu tư vào công ty con	63.500.000.000	-		63.500.000.000	-	63.500.000.000	63.500.000.000
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	45.000.000.000	-		45.000.000.000	-	45.000.000.000	45.000.000.000
Tỷ lệ vốn nắm giữ: 100%							
Quyền biểu quyết: 100%							
Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco	18.500.000.000	-		18.500.000.000	-	18.500.000.000	18.500.000.000
Tỷ lệ vốn nắm giữ: 100%							
Quyền biểu quyết: 100%							
Đầu tư vào công ty liên kết	17.765.940.000	-		17.765.940.000	-	17.765.940.000	17.765.940.000
Công ty CP Thiết bị y tế Vinahankook	17.765.940.000	-		17.765.940.000	-	17.765.940.000	17.765.940.000
Đầu tư dài hạn khác	22.000.000	-		22.000.000	-	22.000.000	22.000.000
Công ty CP Y dược phẩm Việt Nam (CPV)	22.000.000	-		22.000.000	-	22.000.000	22.000.000

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ**

Công ty TNHH MTV 120 Armephaco là Công ty TNHH MTV được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0106358934 ngày 08/11/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 VND

Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco là Công ty TNHH MTV được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0106892737 ngày 05/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 18.500.000.000 VND

Công ty CP Thiết bị y tế Vinahankook, tiền thân là Công ty liên doanh TNHH Sản xuất bơm tiêm sử dụng một lần và dụng cụ y tế được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 01102200143 do UBND TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/6/2008. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 011032002528 ngày 26/6/2014; thì vốn điều lệ công ty là 55.002.940.000 VND; trong đó Công ty CP Armephaco góp 17.765.940.000 VND bằng giá trị quyền sử dụng 5.000 m<sup>2</sup> đất trong thời gian 20 năm (trị giá 300.000 USD), giá trị nhà xưởng, máy móc và tiền mặt, tương ứng 1.776.594 cổ phần chiếm 32,3% Vốn điều lệ

(\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được Công ty xác định bằng giá gốc của khoản đầu tư trừ đi dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**

Địa chỉ: Số 118 Vũ Xuân Thiều, Long Biên, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2016	43.065.083.809	33.915.425.459	5.632.973.635	511.245.236	106.337.245	83.231.065.384	
Mua trong năm	213.935.000	282.624.400	649.336.363	127.685.000	-	1.273.580.763	
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	9.915.354.566	-	-	9.915.354.566	
Tăng khác do phân loại lại	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác do phân loại lại	(7.877.433.255)	(1.724.857.702)	-	(206.726.364)	(106.337.245)	(9.915.354.566)	
Số dư ngày 31/12/2016	35.401.585.554	32.473.192.157	16.197.664.564	432.203.872	-	84.504.646.147	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2016	18.388.649.888	18.497.376.258	2.738.099.478	461.812.910	48.875.533	40.134.814.067	
Khấu hao trong năm	1.571.866.673	2.790.711.203	841.590.599	10.293.128	-	5.214.461.603	
Tăng khác do phân loại lại	-	403.249.186	3.842.265.599	-	-	4.245.514.785	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác do phân loại lại	(4.022.912.888)	-	-	(173.726.364)	(48.875.533)	(4.245.514.785)	
Số dư ngày 31/12/2016	15.937.603.673	21.691.336.647	7.421.955.676	298.379.674	-	45.349.275.670	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2016	24.676.433.921	15.418.049.201	2.894.874.157	49.432.326	57.461.712	43.096.251.317	
Tại ngày 31/12/2016	19.463.981.881	10.781.855.510	8.775.708.888	133.824.198	-	39.155.370.477	

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016: 10.190.349.835 VND;



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2016	913.725.000	913.725.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	913.725.000	913.725.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2016	342.646.848	342.646.848
Khấu hao trong năm	114.215.616	114.215.616
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	456.862.464	456.862.464
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2016	571.078.152	571.078.152
Tại ngày 31/12/2016	456.862.536	456.862.536

**11. Phải trả người bán**31/12/2016  
VND01/01/2016  
VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế Hà Cao	1.345.417.200	1.345.417.200	-	-
Công ty TNHH MTV Thịnh Triết	-	-	1.000.000.500	1.000.000.500
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Y Việt	18.447.670.000	18.447.670.000	-	-
Công ty CP Mes-Engineering Việt Nam	1.440.795.471	1.440.795.471	-	-
Công ty CP Trang thiết bị y tế An Giang	-	-	5.184.499.000	5.184.499.000
Vietmy Medical Pte Ltd	3.307.737.000	3.307.737.000	-	-
Công ty TNHH MTV TCsoft Châu Thành	-	-	3.711.340.000	3.711.340.000
Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt	12.272.587.561	12.272.587.561	-	-
Công ty TNHH Thương mại thiết bị y tế Cửu Long	2.431.025.200	2.431.025.200	-	-
Công ty TNHH Phát triển thương mại, dịch vụ và Trang thiết bị y tế Đại Hữu	16.680.816.847	16.680.816.847	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại dịch vụ An Phú Thịnh	1.135.878.000	1.135.878.000	-	-
Công ty TNHH Trang thiết bị y tế - Khoa học kỹ thuật Việt Tân	-	-	2.160.000.000	2.160.000.000
Công ty TNHH Transmedic	5.485.365.000	5.485.365.000	-	-
Nextway Pte Ltd	4.088.144.526	4.088.144.526	11.072.762.597	11.072.762.597

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Công Ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế QV	2.125.000.000	2.125.000.000	-	-
Electric City Technology Corp	1.351.226.116	1.351.226.116	-	-
Aristopharma Ltd	3.138.030.000	3.138.030.000	1.272.000.000	1.272.000.000
Medisave Pharmaceuticals	-	-	1.088.211.508	1.088.211.508
Opsonin Pharma Ltd	4.524.391.400	4.524.391.400	12.967.913.800	12.967.913.800
IL HWA Co., Ltd	8.585.364.006	8.585.364.006	10.061.434.187	10.061.434.187
Công ty CP Dược và Trang thiết bị Y tế Đông Dương	3.683.104.561	3.683.104.561	1.796.999.011	1.796.999.011
Faes Farma .S.A	1.139.728.203	1.139.728.203	3.932.682.489	3.932.682.489
Albios Lifesciences PVT., Ltd	1.266.150.000	1.266.150.000	-	-
KRKA.D.D., NOVO MESTO	-	-	7.351.211.316	7.351.211.316
Các đối tượng khác	74.156.839.702	74.156.839.702	103.770.084.085	103.770.084.085
<b>Cộng</b>	<b>166.605.270.793</b>	<b>166.605.270.793</b>	<b>165.369.138.493</b>	<b>165.369.138.493</b>

b) *Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

## 12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Bệnh viện K Cơ Sở Tân Triều	38.595.170.664	15.870.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	16.500.000.000	-
Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Gò Vấp	2.294.985.000	-
Ban Quản lý dự án Sở y tế Hà Nội	-	27.450.000.000
Bệnh viện 7 - Cục Hậu Cần - Quân Khu 3	1.664.661.000	-
Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Củ Chi	1.065.064.000	-
Các đối tượng khác	2.157.392.241	31.715.173.260
<b>Cộng</b>	<b>62.277.272.905</b>	<b>75.035.173.260</b>



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

## CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Địa chỉ: Số 118 Vũ Xuân Thiều, Long Biên, Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 137/2016-HETDHM/NHCT106-ARMEPHACO ngày 12/10/2016, hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm được quy định trong hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ và hợp đồng thế chấp hàng hóa.
- (2) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0192/00416/02.HETDHM ngày 30/06/2016, hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 đồng, lãi suất được quy định trong từng văn kiện tín dụng cụ thể, không có bảo đảm bằng tài sản.
- (3) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 895-01.16/HĐHM/TPBANK.TLG ngày 08/01/2016, hạn mức tín dụng là 300.000.000.000 đồng, tài sản bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai được quy định trong các hợp đồng thế chấp, lãi suất cho vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ
- (4) Hợp đồng cấp tín dụng số 2919.16.053.5076.2426652.TD ngày 29/01/2016, hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích sử dụng vốn vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại được phẩm, thiết bị y tế. Tài sản bảo đảm là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu luân chuyển, hệ thống máy móc thiết bị và nhà xưởng tại nhà máy số 118 Vũ Xuân Thiều được quy định trong hợp đồng tín dụng.
- (5) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/16/HETD/VCB.SS-ARME ngày 19/07/2016, hạn mức cho vay là 30.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, không có tài sản bảo đảm.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 0102/2016/HETDHM ngày 18/02/2016, hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được phẩm và thiết bị y tế, lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, tài sản bảo đảm là hàng hóa tồn kho luân chuyển.
- (7) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2016/CVHM/VCBHN-ARME ngày 28/06/2016, hạn mức cho vay là 80.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, tài sản bảo đảm được quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.
- (8) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 062016/HĐCHMTD/VPB-ARMEPHACO ngày 29/08/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay là 70.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ.
- (9) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1303-LAV-201600848 ngày 05/10/2016, tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, không có tài sản bảo đảm tiền vay.
- (10) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1758456/HETD ngày 28/10/2016, hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn nhằm bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị theo hợp đồng bảo đảm tiền vay được quy định trong hợp đồng tín dụng hạn mức.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>		
Thuế GTGT đầu ra	15.416.621	461.217.198
Thuế GTGT hàng NK	1.129.574.888	2.088.046.351
Thuế xuất nhập khẩu	1.027.761.407	1.799.320.081
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.819.762.125	1.818.098.277
Thuế Thu nhập cá nhân	6.957.698	10.223.651
<b>Cộng</b>	<b>3.999.472.739</b>	<b>6.176.905.558</b>
<b>b) Phải thu</b>		
Thuế Thu nhập cá nhân	33.761.300	102.758.979
<b>Cộng</b>	<b>33.761.300</b>	<b>102.758.979</b>

**15. Phải trả khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	813.848.066	689.902.612
Bảo hiểm xã hội	581.693.457	306.569.708
Phải trả phải nộp khác	21.291.091.232	48.034.903.482
<i>Cổ tức phải trả cho Cổ đông</i>	<i>4.970.042.332</i>	<i>499.027.817</i>
<i>Tiền nhà khu gia đình X130</i>	<i>450.000.000</i>	<i>450.000.000</i>
<i>Tiền thuê đất phải trả Bộ Quốc phòng</i>	<i>15.375.263.550</i>	<i>20.766.815.700</i>
<i>Cục Tài chính - BQP</i>	<i>-</i>	<i>25.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco</i>	<i>-</i>	<i>1.201.294.865</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>495.785.350</i>	<i>117.765.100</i>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.360.930.900	1.578.533.016
<b>Cộng</b>	<b>26.047.563.655</b>	<b>50.609.908.818</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Yên Khánh	500.000.000	500.000.000
Công ty Đầu tư xây dựng xuất nhập khẩu Việt Nam (HĐ12-05/X120)	434.452.000	434.452.000
Công ty TNHH Đầu tư tư nhân Vina	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.934.452.000</b>	<b>1.934.452.000</b>

**c) Phải trả khác là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**16. Vốn chủ sở hữu**

**16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
Số dư ngày 01/01/2015	130.000.000.000	300.000.000	18.681.964.786	148.981.964.786	
Lãi trong năm trước	-	-	15.727.844.819	15.727.844.819	
Giảm khác	-	-	(18.681.964.786)	(18.681.964.786)	
Số dư ngày 31/12/2015	130.000.000.000	300.000.000	15.727.844.819	146.027.844.819	
Lãi trong năm nay	-	-	18.719.226.185	18.719.226.185	
Chia cổ tức	-	-	(11.700.000.000)	(11.700.000.000)	
Trích lập các quỹ	-	-	(4.027.844.819)	(4.027.844.819)	
Số dư ngày 31/12/2016	130.000.000.000	300.000.000	18.719.226.185	149.019.226.185	

**16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	37.700.000.000	66.300.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	92.300.000.000	63.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>

**16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	130.000.000.000	130.000.000.000
Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	130.000.000.000	130.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.386.427.820	6.500.000.000

**16.4 Cổ phiếu**

	Năm 2016 Cổ phiếu	Năm 2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**16.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	12.831.406.167	2.013.922.410	-	14.845.328.577
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.831.406.167</b>	<b>2.013.922.410</b>	<b>-</b>	<b>14.845.328.577</b>

**(\*) Mục đích trích lập quỹ:**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	984.724.315.870	882.323.042.884
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.008.687.087	10.020.628.800
<b>Cộng</b>	<b>990.733.002.957</b>	<b>892.343.671.684</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2****2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hàng bán bị trả lại	31.009.070	75.851.013
<b>Cộng</b>	<b>31.009.070</b>	<b>75.851.013</b>

**3. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	984.693.306.800	882.247.191.871
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.008.687.087	10.020.628.800
<b>Cộng</b>	<b>990.701.993.887</b>	<b>892.267.820.671</b>

**4. Giá vốn bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	902.619.610.550	810.342.754.301
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.057.841.589	488.805.298
<b>Cộng</b>	<b>903.677.452.139</b>	<b>810.831.559.599</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	203.095.230	111.100.928
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	8.480.822.001	9.877.763.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	979.186.509	1.987.622.212
<b>Cộng</b>	<b>9.663.103.740</b>	<b>11.976.486.340</b>

(\*) Trong tổng giá trị cổ tức, lợi nhuận được chia, có 4.777.712.333 đồng là lợi nhuận được chia từ Công ty Cổ phần thiết bị y tế Vinahankook. Khoản lợi nhuận này được Công ty ghi nhận dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty này và tỷ lệ vốn góp của Công ty tại bên nhận vốn góp mà chưa có thông báo chính thức về việc chia cổ tức của bên nhận đầu tư. Khi có thông báo chia cổ tức chính thức, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phần chênh lệch vào Báo cáo kết quả kinh doanh của năm nhận được thông báo.

**6. Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	14.613.962.358	7.958.732.258
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.419.756.225	5.144.800.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	64.737.344	16.273.125
<b>Cộng</b>	<b>18.098.455.927</b>	<b>13.119.806.199</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu tiền điện, nước của công nhân viên	154.855.991	95.135.900
Thu tiền quản lý kho thế chấp	40.000.000	-
Thu từ phí chuyển nhượng cổ phần	3.000.000	10.485.000
Thu từ phí chuyển nhượng cổ tức	-	747.500
Thu từ phí phát hành thư bảo lãnh	-	141.380.000
Thu tiền nhân viên ở tại xí nghiệp	-	23.340.000
Thu nhập khác	27.657.396	156.022.350
<b>Cộng</b>	<b>225.513.387</b>	<b>427.110.750</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	24.679.144	63.044.828
Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	67.957.921	12.916.800
Chi phí bảo hành cho Sở Y tế Tây Ninh	-	92.000.000
Các khoản chi phí khác	73.538.406	76.870.614
<b>Cộng</b>	<b>166.175.471</b>	<b>244.832.242</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>22.571.272.389</b>	<b>24.564.368.870</b>
Chi phí nhân viên quản lý	9.629.448.010	10.296.342.782
Chi phí vật liệu quản lý	302.356.091	494.921.665
Chi phí đồ dùng văn phòng	362.311.592	340.013.096
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.265.758.510	715.829.342
Thuế, phí và lệ phí	6.981.062.564	7.213.894.318
Chi phí dự phòng	-	158.006.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.402.355.526	3.289.566.185
Chi phí bằng tiền khác	1.627.980.096	2.055.795.253
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>34.738.266.778</b>	<b>37.368.465.121</b>
Chi phí nhân viên	10.689.469.360	10.061.220.304
Chi phí vật liệu, bao bì	334.947.961	379.191.964
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	226.680.328	209.488.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.485.257.147	20.289.203.027
Chi phí bằng tiền khác	8.001.911.982	6.429.361.009

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	79.993.981.397	106.076.285.554
Chi phí nhân công	26.072.196.407	29.490.113.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.328.677.219	5.793.006.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.376.065.769	31.072.730.567
Chi phí khác bằng tiền	19.774.959.135	11.173.946.980
<b>Cộng</b>	<b>149.545.879.927</b>	<b>183.606.082.901</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	1.000.590.611.014	904.671.417.761
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>992.109.789.013</i>	<i>894.793.654.561</i>
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>8.480.822.001</i>	<i>9.877.763.200</i>
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	979.251.622.704	886.129.032.031
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>979.010.978.387</i>	<i>885.620.480.573</i>
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>240.644.317</i>	<i>508.551.458</i>
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	13.098.810.626	9.173.173.988
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.619.762.125	2.018.098.277
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	796.442.634
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.619.762.125</b>	<b>2.814.540.911</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần ARMEPHACO theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia thông qua công nợ và trích quỹ khen thưởng	8.480.822.001	3.033.640.042
Chi đầu tư góp vốn vào công ty con bằng tài sản cố định	-	7.606.442.562
Chi đầu tư góp vốn vào công ty con bằng giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	1.297.485
Chi đầu tư góp vốn vào công ty con qua công nợ	-	10.382.259.953
<b>2. Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 927.432.011.489 đồng.	927.432.011.489	670.314.370.803
<b>3. Số tiền đi vay thực trả trong năm</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 819.511.936.936 đồng.	819.511.936.936	619.745.386.187

**VIII. Những thông tin khác****1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV 120 Armephaco  
 Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco  
 Công ty CP Thiết bị y tế Vinahankook

**Mối quan hệ**

Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty liên kết

**2.1 Trong năm Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>a) Mua hàng</b>	<b>6.582.484.456</b>	<b>34.801.001.187</b>
Công ty CP Thiết bị y tế Vinahankook	4.163.814.520	5.751.095.880
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	1.077.700.619	17.222.132.111
Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco	1.340.969.317	11.827.773.196
<b>b) Bán hàng</b>	<b>328.938.243</b>	<b>2.867.968.840</b>
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	312.233.879	149.406.552
Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco	16.704.364	2.718.562.288

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

c) <b>Doanh thu tài chính</b>	<b>8.464.822.001</b>	<b>9.870.763.200</b>
Công ty CP Thiết bị y tế Vinahankook	4.777.712.333	5.007.586.580
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	2.809.230.240	3.149.970.463
Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco	877.879.428	1.713.206.157

**2.2 Số dư các bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
a) <b>Phải thu khách hàng</b>	<b>935.000.050</b>	<b>1.004.026.800</b>
Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco	935.000.050	1.004.026.800
b) <b>Phải thu khác</b>	<b>11.280.779.453</b>	<b>10.693.761.112</b>
Công ty CP Thiết bị y tế Vinahankook	4.746.477.000	5.196.043.000
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	3.088.201.679	3.784.511.955
Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco	3.446.100.774	1.713.206.157
c) <b>Phải trả người bán</b>	<b>436.721.985</b>	<b>381.932.398</b>
Công ty CP Thiết bị y tế Vinahankook	436.721.985	331.532.124
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco		50.400.274
d) <b>Phải trả khác</b>	-	<b>1.201.294.865</b>
Công ty TNHH MTV Thiết bị y tế 130 Armephaco	-	1.201.294.865

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Armephaco đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập



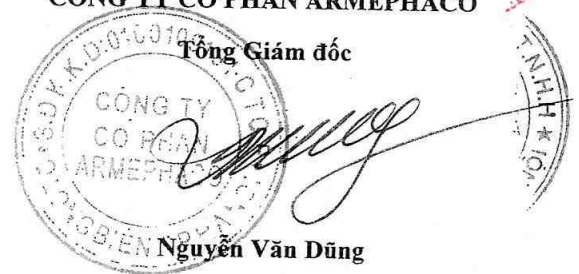
Đào Ngọc Thạch



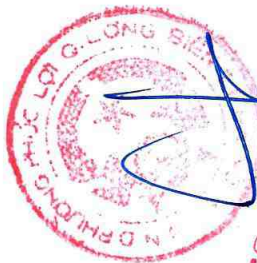
Đỗ Đình Ngọc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017  
CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng



PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hoài Nam



REPUBLIC OF SOUTH AFRICA  
DEPARTMENT OF ENVIRONMENT AND FORESTRY  
NATIONAL ENVIRONMENTAL MANAGEMENT AUTHORITY  
12001 12th Avenue, Sandton, Johannesburg 2008  
Tel: +27 (0)11 632 9000 Fax: +27 (0)11 632 9001  
www.nema.gov.za

